

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Hân

Ông Hoàng Đức Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn H; Nơi cư trú: Thôn 4, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị G; Nơi cư trú: Thôn 1A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Trần Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Phạm Thị G trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 7 năm 2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh ở Thôn 4, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 12 năm 2021 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mặt khác vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng chưa có con chung, nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên nội, ngoại hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng, nên từ tháng 12 năm 2021 đến nay chị G đã về cư trú cùng mẹ đẻ chị G ở thôn 1A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, cũng từ đó anh và chị G sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị G.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị G không có con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị G không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 16 tháng 6 năm 2022, bị đơn là chị Phạm Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị và anh Trần Văn H theo như lời khai anh H đã khai là đúng. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị đã xin phép về cư trú cùng với mẹ đẻ chị ở thôn 1A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng từ cuối năm 2021 đến nay, cũng từ đó chị và anh H sống ly thân. Chị xác định chị vẫn còn tình cảm với anh H nhưng anh H cương quyết xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh H không có con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh H không có tài sản chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 28 tháng 6 năm 2022, chị Phạm Thị G thay đổi lời khai: Về quan hệ hôn nhân: Chị không đồng ý ly hôn, chị đề nghị Tòa án hòa giải để chị và anh H được đoàn tụ. Về con chung và tài sản chung: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm theo lời khai chị đã khai tại Tòa án ngày 16 tháng 6 năm 2022.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đã không thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, xử cho anh Trần

Văn H được ly hôn chị Phạm Thị G; không giải quyết con chung và tài sản. Anh Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Văn H có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Phạm Thị G. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Phạm Thị G hiện đang cư trú tại thôn 1A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn chị Phạm Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị G.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Phạm Thị G kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24 tháng 7 năm 2020, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, anh Trần Văn H và chị Phạm Thị G đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng chưa có con chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Xét quan hệ hôn nhân của anh Trần Văn H và chị Phạm Thị G là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của anh Trần Văn H đối với chị Phạm Thị G. Chị Phạm Thị G không đồng ý ly hôn, nhưng chị G cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Hơn nữa Tòa án đã thông báo chị G đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng chị G vắng mặt không có lý do. Vì vậy, việc chị G không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Anh Trần Văn H và chị Phạm Thị G không có con chung.

[6] Về tài sản chung: Anh Trần Văn H và chị Phạm Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Văn H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn H và chị Phạm Thị G được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự. Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H được ly hôn chị Phạm Thị G.
2. Về con chung: Anh Trần Văn H và chị Phạm Thị G không có con chung.
3. Về tài sản chung: Anh Trần Văn H và chị Phạm Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết.
4. Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm đề sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn anh H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 8032 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Anh Trần Văn H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã C, huyện T, HP (ĐKKH ngày 24 tháng 7 năm 2020);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

